

Số: 27/2008/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 05 tháng 02 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

về ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh vùng trung du và miền núi bắc bộ đến năm 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 8409/TTr-BKH ngày 15 tháng 11 năm 2007,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010 (gồm các tỉnh: Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Bắc Giang, Phú Thọ và các huyện phía Tây tỉnh Thanh Hóa (gồm: Quan Hoá, Quan Sơn, Mường Lát, Bá Thước, Lang Chánh, Cẩm Thủy, Ngọc Lặc, Thạch Thành, Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh), các huyện phía Tây tỉnh Nghệ An (gồm: Kỳ Sơn, Tương Dương, Con Cuông, Anh Sơn, Tân Kỳ, Quế Phong, Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Nghĩa Đàn, Thanh Chương) để thực hiện hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội của Vùng:

1. Mục tiêu:

a) Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) của Vùng đạt trên 12%.

b) Ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nâng cao khả năng cung cấp các dịch vụ xã hội cho phát triển kinh tế, góp phần nâng cao mức sống của nhân dân, giảm dần khoảng cách với các vùng khác trong cả nước; đến năm 2010: 100% số xã có điện thoại đến trung tâm xã, 70 - 75% dân số nông thôn được dùng nước sinh hoạt, 90 - 95% số xã có điện lưới quốc gia, 80 - 90% số hộ được dùng điện, bảo đảm hầu hết các hộ được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam và xem Truyền hình Việt Nam.

c) Sớm giải quyết dứt điểm số hộ đói kinh niên, đói giáp hạt; phân đầu giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân (theo chuẩn nghèo mới) trên 3%/năm; đến năm 2010, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 20%.

d) Đến năm 2010 đạt phổ cập trung học cơ sở trên toàn Vùng; tỷ lệ huy động học sinh trong độ tuổi đến trường: mẫu giáo đạt 85 - 90%, tiểu học đạt 97 - 99%; trung học cơ sở đạt 85 - 90%; trung học phổ thông đạt 45 - 50%; cải thiện một bước điều kiện học tập, sinh hoạt các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường bán trú dân nuôi.

đ) Tạo sự chuyển biến tích cực về cơ cấu lao động và chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường công tác đào tạo nghề, phấn đấu nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 25 - 30% và 100% cán bộ xã được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ vào năm 2010.

e) Giải quyết tốt hơn các vấn đề xã hội, nâng cao dân trí và cải thiện rõ rệt đời sống tinh thần của nhân dân, đặc biệt là đời sống văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số.

g) Bảo vệ rừng, bảo vệ nguồn nước và môi trường sinh thái; sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường để đảm bảo tăng trưởng kinh tế, giảm nghèo và cải thiện chất lượng cuộc sống.

2. Nhiệm vụ chủ yếu:

a) Về sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản

- Quy hoạch và thực hiện quy hoạch sản xuất lương thực theo hướng nâng cao hiệu quả, phát huy được lợi thế về đất đai, khí hậu... của từng vùng, tiểu vùng; mở rộng diện tích lúa nước một cách hợp lý, giảm diện tích sản xuất lương thực trên đất dốc.

- Tiếp tục hình thành và phát triển các vùng cây chuyên canh tập trung tạo nguồn hàng hóa (chè, cà phê, dâu tằm, mía, cây ăn quả, dược liệu, hương liệu, hoa, rau màu...) với quy mô thích hợp, gắn với công nghiệp chế biến có trình độ công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm tăng năng suất và nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu cũng như của hàng hóa tiêu dùng trong nước.

- Phát triển chăn nuôi, nhất là chăn nuôi đại gia súc, gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ, nâng cao giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm.

- Điều chỉnh cơ cấu 3 loại rừng, xác định diện tích rừng phòng hộ một cách hợp lý trên cơ sở phân loại diện tích cần bảo vệ một cách nghiêm ngặt, tăng nhanh diện tích rừng sản xuất; chăm sóc, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh trồng rừng mới, bao gồm rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng kinh tế, rừng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến theo quy hoạch; tổ chức tốt việc phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn sông Đà nhằm ổn định nguồn nước cho các công trình thủy điện lớn trong Vùng.

- Hoàn thành việc giao đất, giao rừng gắn với định canh, định cư; giải quyết đất ở, đất sản xuất ổn định lâu dài, chấm dứt tình trạng phá rừng làm rẫy; thực hiện tốt việc gắn phát triển nương cố định với định canh, định cư và giải quyết nước sinh hoạt cho nhân dân.

- Phát triển giống mới, kỹ thuật mới, thâm canh, tăng vụ, tăng cường sử dụng đất và bảo tồn đất đai; phát triển công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, cơ sở

nhân tạo giống cây trồng, vật nuôi phù hợp với địa phương, phục vụ sản xuất hàng hóa và xóa đói giảm nghèo; tổ chức tốt việc chế biến, bảo quản sau thu hoạch; đẩy mạnh việc đào tạo, tập huấn cho nông dân để thay đổi tập quán sản xuất lạc hậu và thực hiện tốt việc chuyển giao kỹ thuật.

- Phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt ở các hồ chứa, hồ tự nhiên và nuôi cá lồng trên các sông, suối.

- Phát triển hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp.

- Tổ chức tốt việc thực hiện các dự án đầu tư tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ở vùng sát biên giới Việt Nam về sản xuất nông lâm nghiệp.

b) Về công nghiệp - xây dựng

- Xây dựng và thực hiện các quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2010; quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống lưới điện truyền tải, lưới điện phân phối; quy hoạch phát triển thủy điện vừa và nhỏ; quy hoạch phát triển các nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo tại các tỉnh Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; quy hoạch phát triển các sản phẩm chủ lực về cơ khí, luyện kim, hóa chất và các sản phẩm công nghiệp chủ lực khác cho các tỉnh Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020.

- Xây dựng và thực hiện đề án phát triển các hoạt động khuyến công và các trung tâm khuyến công tại Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Tập trung xây dựng thủy điện, trước hết là Nhà máy thủy điện Sơn La, Tuyên Quang, đồng thời huy động nguồn vốn đầu tư từ các thành phần kinh tế để phát triển các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nhiệt điện chạy than.

- Cùng với việc khai thác và chế biến có hiệu quả khoáng sản theo các chương trình, dự án đầu tư của Trung ương trên địa bàn, phát triển xây dựng các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, hóa chất với quy mô phù hợp, dựa trên khả năng tài nguyên trong Vùng và thị trường tiêu thụ.

- Tổ chức điều tra, thăm dò, đánh giá tài nguyên khoáng sản của các tỉnh Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ và phân cấp quản lý, khai thác tài nguyên khoáng sản phù hợp; tập trung khai thác tận thu khoáng sản trong vùng ngập của các công trình thủy điện. Phát triển việc khai thác, chế biến khoáng sản theo quy hoạch, có hiệu quả.

- Xây dựng mới và nâng cao chất lượng chế biến của các cơ sở chế biến chè, sữa, các loại nông sản, thực phẩm khác gắn với vùng nguyên liệu; phát triển các cơ sở chế biến hàng xuất khẩu.

- Tiếp tục mở rộng việc trồng rừng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, bảo đảm đủ nguyên liệu cho Khu công nghiệp giấy Bãi Bằng; xây dựng mới các nhà máy giấy, bột giấy, đồ gỗ xuất khẩu.

- Chú trọng phát triển tiểu thủ công nghiệp như kim khí, điện máy, rèn nguội, sửa chữa cơ khí... phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, cũng như đáp ứng yêu cầu của thể trận nhân dân khi cần thiết; chú trọng phát triển các làng nghề truyền thống.

- Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn; xây dựng kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp dọc tuyến hành lang Vân Nam - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, tuyến Lạng Sơn - Bắc Giang - Hà Nội và tuyến Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên - Lai Châu để khai thác tốt tiềm năng của hệ thống đường nan quạt của Vùng, tăng cường thương mại quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội các vùng khó khăn thuộc Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ.

- Tăng cường việc hợp tác, đầu tư ra nước ngoài với Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào về phát triển công nghiệp, khai thác tài nguyên, khoáng sản và giải quyết lao động, đặc biệt là tại vùng giáp biên giới Việt Nam;

c) Về thương mại - dịch vụ

- Xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển du lịch Vùng đến năm 2020.

- Ưu tiên đầu tư khai thác các điểm du lịch: Điện Biên Phủ, khu di tích lịch sử Pắc Bó, Tân Trào, Định Hóa, Đền Hùng, Sa Pa, Mẫu Sơn, hồ Ba Bể, hồ Núi Cốc, hồ Thác Bà, thủy điện Hòa Bình,...; đẩy mạnh việc tổ chức các hình thức du lịch có thể mạnh đặc thù của Vùng như du lịch sinh thái, du lịch lịch sử, văn hóa, du lịch thể thao mạo hiểm, du lịch nghỉ dưỡng,...nhằm khai thác các điểm du lịch với nhiều hình thức du lịch thích hợp.

- Đẩy mạnh xây dựng các khu kinh tế cửa khẩu; tổ chức xây dựng kết cấu hạ tầng các khu kinh tế cửa khẩu, trong đó có các kho ngoại quan ở các khu kinh tế cửa khẩu có kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa lớn; khu trung tâm thương mại có quy mô thích hợp, cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, đáp ứng nhu cầu giao lưu hàng hóa; phát triển các dịch vụ tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu, vận tải, bưu chính viễn thông; xây dựng các chính sách kinh tế cửa khẩu nhằm đẩy mạnh các hoạt động giao lưu tiền tệ và hàng hóa, hỗ trợ xuất khẩu, phát triển các doanh nghiệp hoạt động trong khu kinh tế cửa khẩu và tạo các nguồn hàng xuất khẩu chủ lực ổn định qua biên giới, tăng cường hợp tác kinh tế với Cộng hoà nhân dân Trung Hoa và Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

- Phát triển mạng lưới thương mại (chợ, cửa hàng thương mại) ở các trung tâm cụm xã, các xã vùng sâu, vùng xa miền núi và nông thôn gắn với phát triển giao thông với quy hoạch sắp xếp lại dân cư nhằm thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển; phát triển theo quy hoạch các chợ đầu mối nông sản; xây dựng, nâng cấp một số trung tâm thương mại và các chợ hiện có ở các thị trấn, thị tứ, trung tâm cụm xã và ở các xã biên giới để phục vụ nhu cầu trao đổi, mua bán hàng hóa hai bên.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế hợp đồng tiêu thụ nông, lâm sản cho nông dân và đầu tư phát triển các dịch vụ sau:

+ Dịch vụ giao thông vận tải, trong đó ưu tiên hệ thống nối các khu vực kinh tế trọng điểm, các trục giao thông quan trọng, kết nối các khu du lịch, khu di tích lịch sử, văn hóa, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa;

+ Dịch vụ du lịch;

+ Các dịch vụ: xây dựng, tài chính, ngân hàng, bưu chính viễn thông, khoa học, công nghệ, xuất khẩu lao động.

d) Về giáo dục, đào tạo

- củng cố kết quả phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện bậc phổ thông, từng bước tiếp cận trình độ chuẩn của cả nước; tăng tỷ lệ học sinh trong độ tuổi đến trường; tiếp tục đầu tư xây dựng đủ phòng học kiên cố cho các cấp học và từng bước đầu tư đồng bộ, hoàn chỉnh các trường học đối với các xã, thôn, bản thuộc khu vực III, các lớp học, trường học được đầu tư theo Chương trình 135 (giai đoạn II); củng cố và phát triển các cơ sở nhà trẻ, mẫu giáo; hoàn thành việc xây dựng trường dân tộc nội trú ở tất cả các huyện trong Vùng, từng bước mở rộng quy mô và tăng cường cơ sở vật chất cho các trường trung học phổ thông dân tộc nội trú; phát triển các trường bán trú dân nuôi, các trường nuôi dưỡng trẻ em khuyết tật, tàn tật ở các tỉnh; hỗ trợ trường lớp, nhà ở và phụ cấp cho học sinh ở các trường bán trú dân nuôi; tăng diện học sinh cử tuyển hàng năm cho các tỉnh miền núi; hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục và đội ngũ giáo viên các cấp để nâng cao chất lượng giáo dục.

- Tạo sự chuyển biến cơ bản về cơ cấu lao động và chất lượng nguồn nhân lực bằng cách vừa khẩn trương mở rộng đào tạo tại chỗ, vừa điều chuyển có tổ chức một bộ phận lao động Vùng đồng bằng Bắc Bộ lên công tác và lao động ở những ngành và lĩnh vực có nhu cầu, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới; đầu tư mở rộng, nâng cấp cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo cho các trường đào tạo nghề hiện có, xây dựng mới một số trung tâm đào tạo nghề trọng điểm ở thành phố, thị xã, huyện của các tỉnh trong Vùng; xây dựng trung tâm giáo dục thường xuyên ở tất cả các huyện, thành phố; đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất và nâng cao năng lực đào tạo cho một số trường đại học trong Vùng theo hướng đa ngành như Đại học Tây Bắc, Đại học Thái Nguyên, Đại học Hùng Vương (Phú Thọ); củng cố và mở thêm các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các cơ sở dạy nghề; đổi mới cơ cấu đào tạo theo ngành nghề và trình độ nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhu cầu cán bộ cho các địa phương trong Vùng; đẩy mạnh công tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ cơ sở.

đ) Về phát triển khoa học, công nghệ và môi trường

- Xây dựng các trung tâm nghiên cứu khoa học - công nghệ tại các trường đại học của Vùng, trước hết tập trung nghiên cứu tuyển chọn, lai tạo các giống cây trồng, vật nuôi và nghiên cứu, ứng dụng công nghệ bảo quản, chế biến nông, lâm sản; tăng cường xây dựng hệ thống khuyến nông, khuyến lâm từ tỉnh đến cơ sở; nghiên cứu áp dụng những tiên bộ khoa học công nghệ nhằm giải quyết những khó khăn có tính đặc thù và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa Vùng trung du và miền núi Bắc Bộ; nghiên cứu sử dụng nguồn tài nguyên nước có hiệu quả, coi trọng công trình tưới cho các loại cây trồng cần ít nước nhưng đạt hiệu quả kinh tế cao như công trình tưới cho cây công nghiệp, cây ăn quả, cây dược liệu.

- Đổi mới, hiện đại hoá công nghệ trong các ngành khai khoáng, bảo quản, chế biến nông, lâm sản nhằm đảm bảo an toàn, vệ sinh môi trường; việc xây dựng các dự